

Chiến thắng Tây Nguyên năm 1975 - MỘT THÀNH CÔNG XUẤT SẮC VỀ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TA

THIẾU TƯỚNG, PGS, TS TRINH VƯƠNG HỒNG*

Không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, không chỉ thực dân Pháp đặt vấn đề "ra sức phòng thủ Tây Nguyên để bảo vệ Đông Dương" mà cả đế quốc Mỹ cũng đánh giá cao địa bàn chiến lược quan trọng này. Họ cho rằng, muốn thôn tính và chiến thắng được miền Nam Việt Nam cả về quân sự và chính trị thì bất luận trong trường hợp nào cũng phải kiểm soát được Tây Nguyên - nóc nhà của Đông Dương. Mất Tây Nguyên là mất các tỉnh duyên hải miền Trung; các tỉnh miền Đông Nam Bộ; các tỉnh Đông Bắc Campuchia và các tỉnh hạ Lào trực tiếp bị uy hiếp... Vì thế, ngay từ khi nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã dồn sức tập trung xây dựng Tây Nguyên thành một hệ thống căn cứ chiến lược liên hoàn và đặt sở chỉ huy Quân khu 2 (trong đó có Quân đoàn 2) quân lực Sài Gòn tại thị xã Plâyku. Trong giai đoạn "chiến tranh cục bộ", Bộ chỉ huy quân viễn chinh Mỹ đã bố trí trên địa bàn này Sư đoàn 1 kỵ binh không vận Mỹ ở An Khê và Sư đoàn 4 bộ binh ở Hòn Rồng - Bàu Cạn thuộc tỉnh Gia Lai. Trên hai trục đường chiến lược số 14 từ phía Bắc Kon Tum xuống phía Nam Quảng Đức (là tuyến phòng ngự cơ bản làm

nòng cốt cho toàn bộ hệ thống phòng thủ trên Tây Nguyên), cũng như dọc đường 19 từ phía Đông An Khê sang phía Tây Đức Cơ và các vùng biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia là một hệ thống cứ điểm, đồn bốt dày đặc từ cấp tiểu đoàn đến sư đoàn, quân đoàn với đầy đủ các đơn vị hỏa lực không quân, xe tăng, pháo binh chiếm giữ để thực thi các chiến lược chiến tranh của Mỹ-ngụy. Tuy nhiên, sau nhiều năm đổ sức quyết liệt với cuộc chiến tranh cách mạng của quân và dân ta, lực lượng Mỹ-ngụy ở miền Nam nói chung, ở Tây Nguyên nói riêng đã bị sa sút và rơi vào thế bị động. Đặc biệt từ đầu năm 1974, sau khi quân Mỹ rút khỏi miền Nam theo Hiệp định Pari, địch liên tục duy trì ở Tây Nguyên Sư đoàn 23 bộ binh, 6 liên đoàn biệt động quân, 4 thiết đoàn xe tăng, thiết giáp, 1 sư đoàn không quân, 9 tiểu đoàn pháo binh và hàng chục tiểu đoàn bảo an dân vệ (chiếm 2/3 lực lượng chủ lực cơ động của Quân khu 2), nhưng thế và lực của địch ở chiến trường đã bị suy yếu trầm trọng. Địch không những không còn khả năng mở những cuộc hành quân lớn "tràn ngập lãnh thổ" mà còn bị đối phương giáng trả những đòn đích đáng. Trong khi đó, thế trận chiến tranh nhân dân của ta ở Tây Nguyên phát triển đồng đều và rộng khắp, lực lượng vũ trang ba thứ quân được tăng cường, các sư đoàn chủ lực được xây

* Viện trưởng Viện lịch sử quân sự Việt Nam

dựng, củng cố mạnh hơn hẳn quân chủ lực địch và đã đứng chân vững chắc trên các địa bàn chiến lược quan trọng từ Kon Tum xuống Quảng Đức.

Trước thời cơ chiến lược "đánh cho nguy nhào" đã xuất hiện, Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị (BCT), tháng 10-1974, chỉ rõ: "Đây là thời cơ thuận lợi để quân và dân ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến bước cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn... giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước"¹. Đồng thời, căn cứ kế hoạch tác chiến chiến lược toàn miền, trong đó "chọn chiến trường Tây Nguyên là hướng tiến công chiến lược chủ yếu"² mà BCT thông qua, Quân uỷ Trung ương và Bộ tư lệnh (BTL) Mặt trận Tây Nguyên sử dụng các lực lượng của Bộ tăng cường và Mặt trận hiện có: bốn sư đoàn (10, 320, 316, 968), bốn trung đoàn bộ binh (95A, 95B, 25, 271), năm trung đoàn pháo mặt đất và pháo cao xạ, một trung đoàn xe tăng, thiết giáp, một trung đoàn đặc công, hai trung đoàn công binh, một trung đoàn thông tin và một số đơn vị hậu cần, vận tải... tiến công tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh thiệt hại nặng từ 1 đến 2 sư đoàn chủ lực nguy; mở rộng hành lang từ đường 14 qua Gia Nghĩa xuống đường 20 nối với miền Đông Nam Bộ và từ Tây Nguyên xuống 3 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà...

Hạ tuần tháng 12 năm 1974, giữa lúc quân và dân Tây Nguyên đang khẩn trương chuẩn bị chiến dịch (theo kế hoạch 2 năm 1975-1976 của Bộ đã triển khai), thì chiến dịch đường 14 - Phước Long đang giành được thắng lợi lớn trước sự bất lực của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Chiến thắng Phước Long (6-1-1975) là thực tiễn rất quan trọng để Hội nghị BCT (mở

rộng, 8-1-1975) hạ quyết tâm: "năm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp đánh những trận quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ trong năm 1975 hoặc đầu năm 1976". Từ nhận định quan trọng này, BCT và Quân uỷ Trung ương quyết định bổ sung nhiệm vụ chính thức cho chiến dịch Tây Nguyên với mục tiêu cụ thể là giải phóng phần lớn hoặc hoàn toàn các tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức (gồm cả ba thị xã Buôn Ma Thuột, Cheo Reo, Gia Nghĩa), trong đó trọng điểm là tỉnh Đắc Lắc; mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột; mục tiêu quan trọng là ba quận lỵ Đức Lập, Thuận Mẫn, Kiến Đức. Đồng thời, BCT và Quân uỷ Trung ương cũng quyết định thành lập BTL chiến dịch Tây Nguyên do Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính uỷ. Quyết định bổ sung nhiệm vụ và thay đổi mục tiêu chiến dịch rộng lớn hơn, không chỉ chứng tỏ sự nhạy bén kịp thời về nắm bắt tình hình trong chỉ đạo chiến lược của Trung ương và Bộ tổng tư lệnh mà còn rất phù hợp với sự phát triển thực tiễn của chiến trường.

Để bảo đảm cho chiến dịch mang ý nghĩa quan trọng về chiến lược chắc thắng ngay từ trận đầu, trong tháng 2-1975, cùng với việc chỉ thị cho các sư đoàn, trung đoàn bộ binh và binh chủng kỹ thuật gấp rút huấn luyện bổ sung chu đáo về khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô vừa và lớn, khả năng tiêu diệt địch trong công sự vững chắc, trong thành phố, thị xã và trong đánh vận động,... Đảng uỷ và BTL chiến dịch cũng tăng cường chỉ đạo các đơn vị hoàn tất công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác hậu cần và công tác chuẩn bị chiến trường. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho bộ đội, Đảng uỷ và BTL chiến dịch chỉ thị triển khai đến từng chi bộ, tổ đảng, đã làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ tình

hình, nhiệm vụ cách mạng miền Nam từ sau Hiệp định Paris, thấy rõ so sánh lực lượng địch, ta từ đó xây dựng quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi to lớn hơn nữa, tạo bước phát triển nhảy vọt của cách mạng. Qua học tập quán triệt nghị quyết Trung ương, nghị quyết của Đảng uỷ BTL chiến dịch, cán bộ chiến sĩ các đơn vị rất phấn khởi tin tưởng và quyết tâm rất cao. 100% cán bộ, chiến sĩ được tham gia chiến đấu đều đăng ký hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ. Công tác hậu cần chiến dịch Tây Nguyên trước đó luôn là vấn đề khó khăn vì nơi đây xa hậu phương, địa hình rừng núi, sông suối hết sức phức tạp. Nhưng lần này được Bộ quốc phòng tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ nên có nhiều thuận lợi. Đến cuối tháng 2-1975, nhờ hệ thống mạng đường ở Tây Nguyên đã nối liền với đường Trường Sơn, nên Đoàn 559 đã dùng xe ô tô (mỗi ngày 120 chiếc) vận chuyển hàng đến tận ba cụm kho ở ba tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum được hàng chục nghìn tấn hàng từ hậu phương miền Bắc đưa vào, vượt 10% kế hoạch để ra... Về chuẩn bị chiến trường, trong chiến dịch Tây Nguyên nói chung, trận đánh then chốt Buôn Ma Thuột nói riêng, ta đã thực hiện rất thành công nghệ thuật nghi binh, chuẩn bị mục tiêu và thể trận cho chiến dịch làm cho địch luôn tin rằng ta sẽ tiến công vào Plâyku hoặc Kon Tum (Bắc Tây Nguyên) chứ không phải Đắk Lắk, Gia Nghĩa (Nam Tây Nguyên). Đồng thời, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng chỉ đạo Sư đoàn 968 tiến công Thanh An, Thanh Bình (Tây thị xã Plâyku); Trung đoàn 95A, lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh Kon Tum, Gia Lai đánh địch trên đường 19 (An Khê), đường 14 (Mỹ Thạch) cắt giao thông. Các trận đánh dạo đầu này không chỉ nhằm mục đích nghi binh lừa địch khiến chúng không phán đoán được ý đồ tác chiến của ta mà còn tạo thế trận chia cắt địa bàn để

khi chiến dịch nổ ra chúng không thể điều binh ứng cứu cho nhau. Đây là tài nghệ chỉ đạo chiến dịch, chiến đấu hết sức tài tình của các cấp chỉ huy chiến dịch, chiến lược trên chiến trường Tây Nguyên.

Trước ngày hướng chủ yếu tiến công mục tiêu then chốt Buôn Ma Thuột, trên đường 14 (cách thị xã Buôn Ma Thuột 80 km về hướng Bắc) Trung đoàn 48 và Trung đoàn 9 (Sư đoàn 320) đã đánh cắt giao thông ở Ea H'Leo (ngày 6-3), tiến công giải phóng quận lỵ Thuần Mẫn (ngày 8-3); trên hướng Nam thị xã Buôn Ma Thuột (cách 50 km), Sư đoàn 10 nổ súng tiến công và làm chủ quận lỵ Đức Lập, Đắk Sắt, Đắk Song (ngày 9-3) đưa thị xã Buôn Ma Thuột vào thế hoàn toàn bị cô lập. Và khi các đơn vị thực hành tác chiến đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột lần lượt "bóc vỏ" từ vòng ngoài đến vòng trong kết hợp với thọc sâu đột phá liên tục trong vòng 32 giờ (ngày 10 và 11-3), làm chủ mục tiêu, bắt sống toàn bộ bộ máy ngụy quân, ngụy quyền của một tỉnh lỵ thì việc chi viện ứng cứu cho nhau tức thời là điều vô vọng. Vì vậy, khi đánh giá thành tích của các đơn vị đã lập công xuất sắc ở thị xã Buôn Ma Thuột cùng với Sư đoàn 316, Trung đoàn 95B, Trung đoàn đặc công 198 và các đơn vị binh chủng, không thể không kể đến công lao của Sư đoàn 968, Sư đoàn 320, Sư đoàn 10 - những đơn vị đã vượt qua không ít gian khổ hy sinh để tạo dựng cho trận then chốt quyết định, kể cả việc nghi binh thu hút toàn bộ hỏa lực địch, tạo thuận lợi cho đơn vị bạn. Đồng thời để có được chiến công "chặt Buôn Ma Thuột rụng cả Tây Nguyên" không thể không nói tới công sức của các đơn vị hậu cần, kỹ thuật, đặc biệt là công lao của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, trực tiếp là đồng bào tỉnh Đắk Lắk. Chiến thắng Buôn Ma Thuột là dấu son trong lịch sử chiến đấu và chiến thắng của quân đội

ta. Đó là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của Đảng, của các cấp chỉ huy và nỗ lực của tất cả cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên bất khuất kiên cường.

Sau khi bị "đòn điểm trúng huyết" ở Buôn Ma Thuột, Bộ chỉ huy Quân khu 2 địch ở Plâyku lập tức điều động Sư đoàn 23 được mệnh danh là "Sư đoàn Nam bình, Bắc phạt, cao nguyên trấn" và Liên đoàn quân 21 biệt động đang trấn giữ Plâyku và Kon Tum "thực thi tái chiếm thị xã Buôn Ma Thuột" với tham vọng "khôi phục lại tình hình như trước ngày 11-3". Tuy nhiên, mọi cố gắng của Quân khu 2 địch vào "canh bạc khát" đều chỉ là vô vọng vì nó không nằm ngoài dự kiến của Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên. Qua hai ngày (10 và 11-3), trong lúc Liên đoàn 21 biệt động quân đổ bộ xuống Buôn Hồ, Đạt Lý chưa kịp "giải toả đường 14 chiếm lại Thuận Mãn" đã bị Trung đoàn 9 (Sư đoàn 320) và Trung đoàn 25 (Mặt trận Tây Nguyên) đánh trả và truy lùng quyết liệt đến nỗi "không biết chạy về hướng nào để bảo toàn lực lượng". Tiếp theo đó, chỉ huy Quân đoàn 2 nguy "như thiêu thân lao vào lửa" sử dụng gần 150 lần chiếc máy bay lên thẳng đổ cấp tập Trung đoàn 45, pháo đội 232 xuống điểm cao 581- đường 21 phía Đông thị xã (ngày 12, 13-3), đổ Trung đoàn 44 và Sở chỉ huy Sư đoàn 23 xuống Phước An (ngày 15, 16-3) "quyết tái chiếm bằng được Buôn Ma Thuột". Song, tất cả các lực lượng phản kích của Sư đoàn 23 và bộ phận còn lại của Liên đoàn 21 biệt động quân đã bị bộ đội Sư đoàn 10 và Trung đoàn 25 chủ động đón đánh ngay khi chúng vừa tiếp đất. Qua 5 ngày (14 đến 18-3) bộ đôi ta trên hướng này đã tiêu diệt toàn bộ Sư đoàn 23 và Liên đoàn quân 21 biệt động nguy, đập tan cuộc phản đột kích của địch, làm tiêu tan khả năng tái chiếm Buôn Ma Thuột của

quân đội Sài Gòn. Chiến thắng đập tan cuộc đột kích của địch ở phía Đông thị xã Buôn Ma Thuột là trận then chốt thứ 2 của chiến dịch, nó báo hiệu sự sụp đổ không cưỡng lại được của địch trên toàn bộ chiến trường Tây Nguyên.

Vì thế, ngay từ khi trận đánh then chốt chưa kết thúc, BCT và Quân uỷ Trung ương đã nhận định: nếu Quân khu 2 bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, thị xã Buôn Ma Thuột và một số quận ly bị mất, đường số 19 bị chia cắt, thì lực lượng hiện có cụm ở Plâyku có thể buộc phải rút lui chiến lược, bỏ Tây Nguyên về đồng bằng để bảo toàn lực lượng. Theo dự kiến đó, Bộ chỉ huy tối cao của ta đã chỉ thị cho BTL chiến dịch Tây Nguyên cần điều động lực lượng hình thành ngay thể trận bao vây Plâyku, đánh cắt đường bộ, khống chế đường không, triệt đường rút chạy của địch. Nhận định của BCT và Quân uỷ Trung ương đã diễn ra đúng với thực tế. Ngày 16-3, Đại tướng Văn Tiến Dũng đại diện Bộ tổng tư lệnh ở chiến trường lệnh cho BTL chiến dịch: "địch đã rút chạy theo đường số 7, tổ chức lực lượng truy kích ngay".

Căn cứ tình hình và lực lượng bố trí trên chiến trường, BTL chiến dịch quyết định điều động Sư đoàn 320 đang triển khai đội hình ở Buôn Hồ và Thuận Mãn sẵn sàng diệt viện của địch trên đường 14 và chuẩn bị giải phóng Cheo Reo đã được lệnh chặn đánh và truy kích Quân khu 2 địch rút chạy. Chỉ huy sư đoàn 320 đã cho Trung đoàn 64 đứng chân ở phía Đông đường 14 vận động tức tốc ra đường 7 (chân đèo Tu Na) đánh vào đội hình Quân khu 2 nguy đang rút chạy, chặn đứng lực lượng cơ bản của địch ở thung lũng Cheo Reo. Ngày 17-3, thị xã Cheo Reo trở thành tụ điểm tập trung hàng chục vạn binh lính địch và dân chúng bị cưỡng ép chạy theo, cùng với trên 2000 xe cơ giới các loại chen nhau tháo chạy hỗn loạn.

Chớp thời cơ Sư đoàn 320 đã tập trung toàn bộ đội hình nhanh chóng đánh chiếm thị xã Cheo Reo, sau đó dùng bộ binh cơ giới truy kích địch rút chạy trên đường số 7 từ phía Đông Cheo Reo đến quận lỵ Củng Sơn. Thế là, từ ngày 17 đến ngày 24-3, bằng đợt truy kích thần tốc, táo bạo, ta đã tiêu diệt và làm tan rã hầu hết tập đoàn quân địch rút chạy, thu và phá huỷ toàn bộ phương tiện chiến tranh của chúng mang theo. Điều quan trọng hơn là ta đã đập tan ý đồ co cụm về phòng thủ miền duyên hải. Chiến thắng trong trận then chốt thứ 3 - truy kích địch trên đường số 7 của chiến dịch Tây Nguyên, càng làm cho địch thêm suy yếu trầm trọng, tan rã nhanh chóng hơn, tạo bước chuyển hết sức thuận lợi cho chiến trường toàn miền tiến công địch.

Như vậy, trải qua hơn 20 ngày (4 đến 25-3) thực hành tiến công địch trên 5 tỉnh Tây Nguyên, quân và dân ta đã diệt và làm tan rã Quân khu 2 ngụy với hai sư đoàn bộ binh (22, 23), một sư đoàn không quân, 4 thiết đoàn xe tăng, thiết giáp, 8 liên đoàn biệt động quân, lữ đoàn 3 dù, 10 tiểu đoàn pháo binh... loại khỏi vòng chiến đấu (kể cả bắt sống) gần 30 nghìn lính chủ lực ngụy, diệt và làm tan rã (chủ yếu là phóng thích) hàng chục nghìn lính bảo an dân vệ, phòng vệ dân sự và lực lượng cảnh sát, thu và phá huỷ hàng trăm máy bay, hàng nghìn xe quân sự, hàng trăm khẩu pháo lớn nhỏ và rất nhiều kho tàng của địch ở Tây Nguyên, giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Phú Bổn, Quảng Đức, Đắk Lắk.

Chiến thắng to lớn, toàn diện trong chiến dịch Tây Nguyên không chỉ khẳng định sự chỉ đạo tài tình của BCT và Quân uỷ Trung ương, của Bộ tổng tư lệnh và BTL chiến dịch, mà còn để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nhiều bài học quý về nghệ thuật chỉ đạo chiến

lược, chiến dịch và phương thức tác chiến. Đó là những nét đặc sắc về nghệ thuật chọn hướng tiến công chủ yếu (Nam Tây Nguyên) và mục tiêu tiến công then chốt (thị xã Buôn Ma Thuột) trong giai đoạn đầu là rất đúng và rất hiểm. Rõ ràng đánh vào Buôn Ma Thuột (mục tiêu địch hoàn toàn bất ngờ), ta không chỉ điểm đúng huyết, đúng nơi hiểm yếu nhất của địch mà còn tạo điều kiện mở ra các hướng phát triển chia cắt địch về chiến dịch, chiến lược. Đồng thời trong quá trình chỉ đạo tác chiến chiến dịch, ta còn chủ động tạo được ưu thế tập trung lực lượng, từ đó có thể điều phối chặt chẽ giữa lực lượng tại chỗ với lực lượng cơ động của Bộ tăng cường tác chiến ở những nơi trọng yếu. Biểu hiện nổi bật nhất là trong trận đột phá Buôn Ma Thuột, ta đã tập trung được lực lượng lớn gấp 4 đến 5 lần đối phương và tiến công trong thế áp đảo quân địch. Nhưng trong hai trận then chốt đánh quân phản kích ở Phước An và đánh quân địch rút chạy ở đường số 7, ta chỉ sử dụng lực lượng bằng hoặc ít hơn địch nhiều lần mà vẫn chiến thắng. Với ý nghĩa đó, chiến thắng Tây Nguyên, tháng 3 - 1975, chẳng những tạo ra sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng, thế trận giữa ta và địch mà còn dẫn địch tới sự sụp đổ về chiến lược, tạo ra bước ngoặt quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta tới thắng lợi hoàn toàn.

1. Bộ quốc phòng - Viện lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB QĐND, H, 1994, T.2, tr.483

2. *Lực lượng vũ trang Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, NXB QĐND, H, 1980, tr.284.